

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2 - PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ -ST

Ngày 08 - 01 - 2026

*“V/v Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình”*

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - PHÚ THỌ**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khanh*
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phúc Hiếu*

*Bà Vũ Thị ThA Hương*

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Trần Hoàng - Thư ký  
Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:  
Ông Ngô Duy Long - Kiểm sát viên.*

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “TrA chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ngọc A, sinh năm 2000.

Địa chỉ: khu 13, xã P, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: A Phan A V - sinh năm 1999.

Địa chỉ: khu P, xã L, tỉnh Phú Thọ. (Hiện đang lao động tại Nhật Bản).

(Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt, A V vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### **1. Nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc A trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và A Phan A V tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 11/6/2025 tại Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về ở cùng bố mẹ đẻ của A V tại xã L, tỉnh Phú Thọ được khoảng một tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. A V không quan tâm chăm sóc, vợ con, bỏ bê con khi con được 01 tháng tuổi, thường xuyên nhậu nhẹt. Sau đó A V đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, địa chỉ cụ thể thì chị A không nắm rõ. Sau đó chị A đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở khu 13, xã P, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng sống ly thân từ đó không còn quan tâm đến nhau. A V sau khi đi xuất khẩu lao động tại Nhật thì cũng không chu cấp tiền cho vợ để nuôi con. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A Phan A V.

- Về con chung: Chị và A Phan A V có 01 con chung là Phan Phương N, sinh ngày 14/6/2025, hiện cháu N ở cùng với chị, do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Phương N. Chị không yêu cầu A Phan A V phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn A Phan A V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin của A Phan A V tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Phú Thọ và được cung cấp như sau: A Phan A V được cấp hộ chiếu số C9526863 ngày 26/5/2021, hạn đến 26/5/2031, sử dụng xuất cảnh gần nhất ngày 04/7/2025 qua cửa khẩu Nội Bài, không có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam.

Tòa án tiếp tục xác minh thông tin của A Phan A V thông qua ông Phan V H và bà Nguyễn Thị L (là bố mẹ đẻ A V) và được ông H, bà L cho biết: A Phan A V là con trai ông bà có vợ là Bùi Thị Ngọc A, hai vợ chồng chị A, A V tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 11/6/2025 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, tỉnh Phú Thọ. Sau khi cưới, vợ chồng chị A, A V về chung sống cùng với gia đình tôi tại khu P, xã L, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, vợ chồng chị A, A V hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 5/2025 A V sang Nhật Bản lao động từ ngày đó đến nay chưa về Việt Nam lần nào. A V hàng ngày vẫn thường xuyên gọi điện về cho gia đình bằng điện thoại (zalo), gia đình có nhận được giấy báo của Tòa án và Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án gửi cho A V. Ông bà cũng nói lại cho A

V biết nội dung chị A đang làm đơn xin ly hôn ở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ và A có nói lại với ông bà là A cũng đã biết việc này, ông bà cũng hỏi ý kiến A thế nào thì A bảo cũng nhất trí ly hôn với chị A và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng A, chỉ được ly hôn. Về con chung thì hiện nay cháu Phan Phương N, sinh ngày 14/6/2025, hiện nay cháu N đang ở với mẹ và cháu hiện đang còn rất nhỏ và A V đang lao động tại Nhật nên khi ly hôn A V đồng ý để chị A trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu N. Về phần cấp dưỡng nuôi con chung, chị A không yêu cầu A V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, A V cũng nhất trí.

Các V bản giấy tờ của Tòa án giao cho A V, ông bà đề nghị Tòa án giao giấy cho gia đình, gia đình nhận và có trách nhiệm thông báo, gửi lại cho A V, còn ông bà không biết địa chỉ cụ thể của A V ở bên Nhật Bản để gửi giấy tờ sang hoặc cung cấp địa chỉ của A V ngay cho tòa được. Nếu A V gọi điện về ông bà sẽ hỏi địa chỉ cụ thể của A V bên Nhật Bản và thông báo lại cho Tòa án biết.

Ngày 08/12/2025, ông Phan V H và bà Nguyễn Thị L có bản tự khai như sau: Ông bà đã nhận được giấy báo của Tòa án, báo ông bà đến Tòa án để làm việc và cung cấp thông tin địa chỉ cụ thể của A Phan A V (con trai ông bà), hiện A V đang lao động tại Nhật Bản, A V đang là bị đơn trong vụ án ly hôn mà nguyên đơn là chị Bùi Thị Ngọc A. Sau khi ông bà lên làm việc tại Tòa án vào ngày 27/11/2025, thì ông bà về có L lạc với A V bằng điện thoại qua hình thức gọi điện Zalo để hỏi địa chỉ cụ thể của A V, xem A V đang làm ở đâu, nhưng A V không nói cho gia đình biết nên tại buổi làm việc ngày hôm nay, ông bà không biết địa chỉ cụ thể của A V nên vẫn không cung cấp địa chỉ cụ thể của A V cho Tòa án được.

A V đồng ý để ông nhận thay các giấy tờ V bản của Tòa án gửi cho A nhưng nhờ ông bà cầm hộ và ông bà chỉ cần thông báo lại cho A biết là được. Ông bà báo cáo lại như vậy để Tòa án biết vì A V không cho biết địa chỉ cụ thể thì ông bà cũng không thể cung cấp cho Tòa án được.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do A V vắng mặt nên chị A có đơn từ chối hòa giải, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc A. Xử cho chị Bùi Thị Ngọc A được ly hôn A Phan A V.

- Về con chung: Giao con chung là Phan Phương N, sinh ngày 14/6/2025 cho chị Bùi Thị Ngọc A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. A V không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị A.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Các đương sự không yêu cầu, do vậy không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ trA chấp và thẩm quyền giải quyết xác định đây là trA chấp hôn nhân và gia đình về việc “TrA chấp hôn nhân và gia đình” giữa nguyên đơn Bùi Thị Ngọc A và bị đơn A Phan A V. A V có hộ khẩu thường trú tại: Khu P, xã L, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ là đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị A.

Bị đơn A Phan A V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt A V.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc A và A Phan A V là vợ chồng hợp pháp và có đăng ký kết hôn ngày 11/6/2025 tại Ủy ban nhân dân (thị trấn L, tỉnh Phú Thọ cũ) nay là xã L, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình chung sống, theo như chị A trình bày thì sau khi cưới, vợ chồng về ở tại khu 13, (xã Sơn Vi, huyện L cũ) xã P, tỉnh Phú Thọ được một tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. A V không quan tâm chăm sóc, không quan tâm đến vợ con, bỏ bê con khi con được 01 tháng tuổi, thường xuyên nhậu nhẹt. A V không chu cấp tiền cho vợ con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn cũng như không thể hàn gắn được nên chị

đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A Phan A V. Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh được biết A Phan A V đã xuất cảnh ra nước ngoài và hiện nay chưa nhập cảnh về Việt Nam. Tòa án xác minh thông tin của A V thông qua ông Phan V H và bà Nguyễn Thị L là bố mẹ đẻ A V và được ông bà cho biết hiện nay A V đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản, gia đình ông không biết địa chỉ của A V ở bên Nhật Bản, mặc dù ông có hỏi nhưng A V không cung cấp địa chỉ cho gia đình nên gia đình không cung cấp được thông tin địa chỉ của A V cho Tòa án.

Ông H và bà L cho biết vợ chồng chị A và A V đăng ký kết hôn ngày 11/6/2025 tại Ủy ban nhân dân (thị trấn L, tỉnh Phú Thọ cũ) nay là xã L, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chị A, A V về chung sống cùng vợ gia đình tôi tại Khu P, xã L, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, vợ chồng chị A, A V hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Sau đó thì A V sang Nhật Bản lao động từ ngày đó đến nay chưa về Việt Nam lần nào. Ông H và bà L cũng cho biết A V có biết chị A gửi đơn ra Tòa án để xin giải quyết ly hôn và A V có nói lại với ông là đồng ý ly hôn với chị A và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vì vợ chồng A cũng không còn tình cảm.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị A và A V, sau khi kết hôn về chung sống với nhau được một tháng thì vợ chồng đã có những mâu thuẫn, trục trặc do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, A V không quan tâm vợ con, hay nhậu nhẹt, không chỉnh chu làm ăn kinh tế đưa tiền cho vợ con. Ngay sau đó A V cũng đi sang Nhật Bản lao động và chưa về Việt Nam lần nào. Do khoảng cách về địa lý nên giữa chị A và A V không có cơ hội gặp nhau cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, tuy Nền mâu thuẫn giữa vợ chồng chị A và A V đã xảy ra mâu thuẫn ngay sau khi đăng ký kết hôn và trước thời điểm A V đi ra nước ngoài lao động, hai vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn A V và theo như ông H và bà L bố mẹ đẻ A V cho biết A V cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Từ những căn cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và A V rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị A đối với A V là có căn cứ, được chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Chị A trình bày vợ chồng chị có một con chung là Phan Phương N, sinh ngày 14/6/2025, hiện nay cháu N đang ở với mẹ. Ly hôn, chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu A V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu N từ khi sinh ra đã ở với mẹ, đến nay cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi, nên theo quy định của pháp luật cần giao

cháu N cho chị A chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu A V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị A không trái đạo đức xã hội và không vi phạm pháp luật nên được chấp nhận. Chị A cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở A V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Mặc dù chị A trình bày không có nhưng do A V vắng mặt không có lời khai nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân của chị A và A V nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có trA chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị A phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, 271, 273, khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc A về việc “TrA chấp hôn nhân và gia đình”.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Ngọc A được ly hôn A Phan A V.

3. Về con chung: Giao con chung là Phan Phương N, sinh ngày 14/6/2025 cho chị Bùi Thị Ngọc A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. A Phan A V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A, vì chị A không yêu cầu. Chị A cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở A V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị Ngọc A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị A đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0003406 ngày 13/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

6. Quyền kháng cáo: Chị A vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. A V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND khu vực 2- Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng giám đốc kiểm tra, ThA tra và Thi hành án;
- UBND xã L, T. Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Khanh**